

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 107/2018/HS-ST
Ngày 19-12-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Xuân Minh.

Ông Trịnh Văn Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dân – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 114/2018/HSST ngày 26 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2018/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Mai Văn T**, sinh năm 1993 tại Lâm Đồng; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKTT và chỗ ở: Thôn A, xã DK, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông: Mai Văn C, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1963; Anh, chị, em ruột: có 03 người; Tiền án, tiền sự: không; Bị tạm giữ từ ngày 29/10/2018, đến ngày 01/11/2018 chuyển sang tạm giam cho đến nay; có mặt.

- Bị hại: Ông Phạm Văn T1 (C), sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã KBĐ, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

- Người làm chứng: Chị Lê Hồng T2, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã KBĐ, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 16/10/2018 Mai Văn T từ thành phố Hồ Chí Minh đến thăm bạn tên Lê Hồng T2 ở ấp B, xã KBĐ, huyện TVT, tỉnh Cà Mau. Đến khoảng 17 giờ ngày 28/10/2018 T đi về hướng ngã tư Kiều Mầu và phát hiện trước sân nhà anh Phạm Hùng K ở cùng ấp có 01 chiếc xe sirius biển số kiểm soát 68N1 - 058... của ông Phạm Văn T1 không có người quản lý. T nảy sinh ý định trộm xe nên quay về nhà của T2 lấy 03 cây đoản mà T mang theo để trong cặp và nói với T2 có người bạn trên thành phố Hồ Chí Minh gửi xuống 01 xe để làm phương tiện đi lại, T kêu T2 đưa tiền cho T đi nhận xe, T2 đưa cho T 50.000 đồng. Sau đó T đi đến chỗ đậu xe dùng đoản bẻ khóa lấy xe chạy về nhà và rủ T2 đi thành phố Hồ Chí Minh kiếm việc làm, T2 đồng ý và cùng đi với T. Khi đến thành phố Cà Mau bị Công an phát hiện lập biên bản.

Tại Biên bản kết luận về việc định giá tài sản số 72/BB-KL ngày 31/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Trần Văn Thời kết luận: 01 xe mô tô hiệu sirius biển số kiểm soát 68N1 - 058.31 giá trị còn lại bằng 6.920.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 122/CT-VKS ngày 23/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời truy tố bị cáo Mai Văn T tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

*** *Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*** Sau khi phân tích tính chất nội dung của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo và khẳng định cáo trạng truy tố các bị cáo là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, phạt bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự bị hại không yêu cầu nên không xem xét.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 cù điều 8, 03 mũi đoản bằng kim loại và trả lại cho bị cáo 01 điện thoại samsung màu đen

* Bị cáo T xác định nội dung bản cáo trạng truy tố là đúng hành vi phạm tội của bị cáo và xin giảm nhẹ hình phạt.

* Bị hại ông T1 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường và trách nhiệm hình sự yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trần Văn Thời, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, Kiểm

sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo T đã khai nhận hành vi của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố bị cáo. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Từ đó có căn cứ kết luận: Vào khoảng 17 giờ ngày 28/10/2018 tại ấp B, xã KBD, huyện TVT, tỉnh Cà Mau, bị cáo lợi dụng không có người quản lý, trông coi 01 chiếc xe sirius biển số kiểm soát 68N1 - 058.... của ông Phạm Văn T1, bị cáo lén lút dùng đoạn bẻ khóa xe chiếm đoạt và điều khiển đến thành phố Cà Mau thì bị phát hiện lập biên bản. Giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt qua định giá bằng 6.920.000 đồng.

[3] Với hành vi bị cáo đã thực hiện và giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt được như trên, pháp luật hình sự xem đó là hành vi trộm cắp tài sản. Xét thấy bị cáo T là người có đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự, do đó có đủ yếu tố khẳng định bị cáo đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo.

[4] Xét tính chất, mức độ về hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo đã có ý định chiếm đoạt tài sản của người khác nên khi xuống Cà Mau đã mang theo đoạn, chìa khóa nhằm mục đích trộm cắp xe của người khác. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền quản lý tài sản của người khác một cách bất hợp pháp với lỗi cố ý trực tiếp, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội ở địa phương. Do đó, cần phải có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội và phòng ngừa chung cho xã hội là cần thiết.

[5] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bởi lẽ bị cáo đã có các tình tiết giảm nhẹ sau đây: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị phát hiện thì thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo gây thiệt hại không lớn, chưa có tiền án, tiền sự và đã tác động gia đình khắc phục 500.000 đồng cho bị hại. Do vậy, khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời về hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ được chấp nhận.

[7] Về vật chứng: Đối với 01 cù điều 8 và 03 mũi đoạn bằng kim loại, đây là vật chứng dùng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại samsung màu đen không dùng vào việc phạm tội và bị cáo yêu cầu được nhận lại. Do đó, hoàn trả lại cho bị cáo là có căn cứ.

[8] Đối với Lê Hồng T2 không biết bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông T1 nên không đặt ra xử lý là phù hợp.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Xét thấy, bị hại ông T1 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[10] Đối với việc bị cáo T khai 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô tại địa bàn xã DK, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng. Xét thấy, hành vi trên thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra nơi xảy ra tội phạm và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện ĐT đã tiếp nhận tin báo và đang tiến hành điều tra là đúng quy định pháp luật.

[11] Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Mai Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Mai Văn T 09 (chín) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 29/10/2018.

- Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 1 và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 1 cù điều 8; 03 mũi đoản bằng kim loại. Hoàn trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại samsung màu đen. Các vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/11/2018 giữa Công an huyện Trần Văn Thời và Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Án phí hình sự sơ thẩm buộc bị cáo T phải nộp 200.000 đồng.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Án xử công khai báo cho bị cáo T và ông T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Công an huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- Người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên